

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 04 - 01 - 2023

V/v “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/12/2022 và ngày 04/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 260/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2022/QĐXX-PT ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Số 08, đường Đ, lk 30, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hồ Vũ P, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Nhà không số, đường n, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Văn bản uỷ quyền ngày 25/4/2022) (có mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh P, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 09, đường Đ, lk 30, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Huỳnh Thanh P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn (do đại diện hợp pháp là anh Hồ Vũ P) trình bày:

Ngày 21/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố C ban hành Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự. Phần tài sản chung, chị T, anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần tài sản chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có tài sản chung là số tiền 280.000.000 đồng và một số tài sản khác. Đối với số tiền trên, chị T và anh P không thỏa thuận được việc phân chia nên yêu cầu Tòa án phân chia, mỗi người nhận 140.000.000 đồng. Số tiền trên, anh P gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Đất Mũi vào ngày 12/11/2015, gửi 180.000.000 đồng, ngày 11/12/2015 gửi 100.000.000 đồng. Sau khi chị T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, chị có liên hệ với Ngân hàng thì được biết số tiền trên anh P đã rút ra từ năm 2016, chị không biết việc anh P rút tiền.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu anh P chia cho chị số tiền lãi gửi tiết kiệm tại ngân hàng với số tiền 39.400.000 đồng nhưng tại phiên tòa, chị rút lại yêu cầu trên, chỉ yêu cầu anh P chia $\frac{1}{2}$ số tiền 280.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh P trình bày: Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản chung như đại diện nguyên đơn trình bày. Đối với số tiền gửi tiết kiệm 280.000.000 đồng, anh là người đứng gửi số tiền trên tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đất Mũi. Tuy nhiên, số tiền trên không phải là tài sản của vợ chồng. Số tiền trên là của chị ruột của anh là bà Huỳnh Thị Bé nhờ anh đứng tên gửi thay cho bà Bé. Việc bà Bé nhờ anh đứng tên gửi thay cho bà Bé là vì bà Bé đang sinh sống, định cư tại Thụy Điển, thỉnh thoảng mới về Việt Nam. Năm 2015, khi bà Bé về Việt Nam, để thuận tiện cho việc chi tiêu, bà Bé nhờ anh gửi vào Ngân hàng, khi cần thiết sẽ rút ra sử dụng.

Hiện tại số tiền trên, anh đã rút ra trả lại cho bà Bé vào khoảng năm 2016, khi bà Bé trở lại Thụy Điển. Đối với bà Bé, hiện tại anh không liên lạc được với bà Bé vì: năm 2017, giữa anh em trong gia đình có xảy ra tranh chấp về việc chia thừa kế nên giữa anh và bà Bé có xảy ra mâu thuẫn, từ đó anh em không còn liên lạc gì với nhau.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 260/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T. Buộc anh Huỳnh Thanh P chia cho chị Nguyễn Hồng T số tiền 140.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T về việc buộc anh Huỳnh Thanh P chia số tiền lãi 39.400.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/10/2022 bị đơn anh Huỳnh Thanh P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Tại thời điểm năm 2014, chị T anh P có tiền gửi tiết kiệm, sau đó vay 100 triệu đồng để thuê căn tin và tất toán Ngân hàng trước khi gửi tiết kiệm 280 triệu đồng.

Bị đơn, anh Huỳnh Thanh P trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ kháng cáo: năm 2014, anh chị vay của anh Dũng 300 triệu đồng và năm 2015 vay Ngân hàng 100 triệu đồng, nếu như vợ chồng có số tiền 280 triệu đồng thì không phải vay bên ngoài.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bị đơn không liên lạc và hiện tại cũng không biết chính xác bà Huỳnh Thị Bé ở tại địa chỉ nào, cho nên Tòa án không thể triệu tập đương sự và cấp sơ thẩm không đưa bà Huỳnh Thị Bé tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ;

Bản án sơ thẩm quyết định buộc anh Huỳnh Thanh P giao lại cho chị Nguyễn Hồng T số tiền 140.000.000 đồng từ việc chia tài sản chung. Anh P kháng cáo bản án sơ thẩm.

[2]. Xem xét nội dung kháng cáo, bị đơn Huỳnh Thanh P yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Nhận thấy, số tiền 280.000.000 đồng do Huỳnh Thanh P đứng tên trên Sổ tiết kiệm ngày 12/11/2015 với số tiền 180.000.000 đồng và ngày 11/12/2015 số tiền 100.000.000 đồng, anh P cho rằng tiền này không phải tiền của vợ chồng mà chị gái tên Bé nhờ anh đứng tên gửi tiết kiệm, chị T không đồng ý mà xác nhận tiền là tài sản chung, lời trình bày của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình, bởi vì trong thời kỳ hôn nhân thể hiện số tiền này do anh P đứng tên gửi tiết kiệm. Anh P trình bày chị gái ở nước ngoài nhờ đứng tên gửi tiết kiệm, nhưng trên thực tế số tiền 280 triệu đồng được

gửi 02 lần cách nhau 01 tháng, anh P không đưa ra được căn cứ chứng minh tiền do bà Bé nhờ đứng tên và không chứng minh được 280 triệu đồng là tiền riêng của anh P. Căn cứ khoản 3 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình : “*Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung*”. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/01/2023, nguyên đơn cung cấp chứng từ gửi tiết kiệm và vay Ngân hàng, theo đó thời điểm tất toán 100 triệu vay Ngân hàng là ngày 12/8/2015, qua đó cho thanh toán nợ vay trước khi anh P đứng tên gửi tiết kiệm 280 triệu đồng chứ không phải vay sau khi gửi tiết kiệm như anh P đã trình bày. Từ nhận định này kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

Tuy kháng cáo của anh P không được chấp nhận nhưng cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của anh P, bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/12/2022, anh P xác nhận trước đây anh chị thỏa thuận khoản nợ 300 triệu đồng thiếu ông Dũng thì anh P chịu trách nhiệm trả hết, do chị T đặt ra yêu cầu chia số tiền 280 triệu đồng nên khoản nợ thiếu ông Dũng Tòa án xét xử buộc Tươi, Phong mỗi người trả 150 triệu đồng; Như vậy, trong vụ án này, chị T được chia 140 triệu đồng thì chị phải trả nợ cho ông Dũng 150 triệu đồng.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận.

[4]. Bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; cấp phúc thẩm sẽ bổ sung vào phần quyết định của bản án mà không sửa án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thanh P; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 260/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 33; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T.

Buộc anh Huỳnh Thanh P chia cho chị Nguyễn Hồng T số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng anh Huỳnh Thanh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T về việc buộc anh Huỳnh Thanh P chia số tiền lãi 39.400.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Thanh P phải chịu 7.000.000 đồng, (chưa nộp). Chị Nguyễn Hồng T phải chịu 7.000.000 đồng, ngày 23/6/2022 chị T đã dự nộp án phí 3.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, Chị T tiếp tục phải nộp 3.500.000 đồng.

4. Án phí phúc thẩm: Huỳnh Thanh P phải chịu 300.000 đồng, Ngày 10/10/2022 anh P đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0002110 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

